

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhày II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Giai đoạn I)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Báo cáo số 14 /BC-HĐTĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhày II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Giai đoạn I) và Văn bản số 29/CTY ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Quân về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhày II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Giai đoạn I) (đã chỉnh sửa, bổ sung);*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 08/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2023 (kèm theo hồ sơ).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhày II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Giai đoạn I) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Quân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Nông Nhày II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm các đơn vị liên quan:

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá khoản sản đất san lấp còn lại, đề xuất cơ quan thẩm quyền xem xét cho phép tận thu tối đa, tránh lãng phí tài nguyên khoản sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về: Đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; các thông tin về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án trên.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện khai thác khoản sản, đảm bảo môi trường, xử lý nghiêm trường hợp vi phạm môi trường, khai thác trái phép; đồng thời xem xét, đánh giá đề xuất cho phép tận thu tối đa khoản sản đất san lấp còn lại, tạo nguồn thu ngân sách, tránh lãng phí tài nguyên khoản sản

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương (t/h);
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (t/h);
- UBND huyện Ngọc Hồi (t/h);
- UBND xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (công bố);
- Trang Thông tin điện tử - Sở Tài nguyên và Môi trường (công bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Sâm**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA**  
**DỰ ÁN: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
**THƯỜNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ THÔN NÔNG NHẦY II, XÃ ĐẮK NÔNG,**  
**HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM (GIAI ĐOẠN I)**  
(Kèm theo Quyết định số: 11 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum )

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (giai đoạn I).

- Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Quân.

- Địa chỉ liên hệ: Thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 0913.454.782; E-Mail: dntnhoangquan@gmail.com

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Chức vụ: Giám đốc.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án**

- Phạm vi dự án: thực hiện tại thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Quy mô, công suất:

+ Diện tích sử dụng đất: diện tích 41.808 m<sup>2</sup>; trong đó: Diện tích khai thác đá khu vực I là 28.000 m<sup>2</sup>, diện tích đất sản công nghiệp và các công trình phụ trợ: 13.808 m<sup>2</sup>.

+ Công suất thiết kế khai thác đá ở thể tự nhiên 56.497 m<sup>3</sup>/năm, tương đương 83.333 m<sup>3</sup> đá ở thể nguyên khai/năm. Công suất khai thác khoáng sản đi kèm (đất làm vật liệu san lấp) 21.275,0 m<sup>3</sup> ở thể nguyên khai/năm.

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng).

**1.3. Công nghệ khai thác, sản xuất:**

a) Quy trình công nghệ khai thác, chế biến đá:

- Bóc tầng phủ → khoan, nổ mìn → xúc bốc → vận tải → chế biến đá → tiêu thụ.

- Thuyết minh quy trình công nghệ: phá vỡ đá bằng khoan nổ mìn, sau đó sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược kết hợp máy gạt để bốc xúc đá lên xe và vận chuyển về khu chế biến. Tại khu vực chế biến, đá đưa vào hệ thống đập nghiền theo từng kích cỡ và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

#### b) Quy trình khai thác đất tầng phủ:

Khoáng sản đất làm vật liệu san lấp được khai thác trực tiếp bằng máy xúc và được xúc bốc lên ô tô, sau đó vận chuyển về khu vực bãi chứa tạm hoặc trực tiếp đi tiêu thụ theo nhu cầu của khách hàng.

#### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Khu vực khai thác; khu vực sản công nghiệp và công trình phụ trợ (khu vực chế biến: khu chứa đá nguyên liệu, khu đặt tổ hợp nghiền sàng, khu chứa đá, đất thành phẩm; các công trình phụ trợ: khu nhà điều hành, khu nhà ở công nhân, nhà ăn, nhà bếp, kho vật tư, kho vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN), kho chứa chất thải nguy hại, sân đường nội bộ, bãi tập kết xe, máy móc,...); bãi thải (bố trí trong diện tích khu vực khai thác), công trình thoát nước (rãnh, hố lắng).

- Hoạt động của dự án:

- + Sinh hoạt của công nhân viên;
- + Hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển sản phẩm;
- + Hoạt động khoan, nổ mìn;
- + Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị;
- + Cải tạo phục hồi môi trường.

#### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- Các hoạt động của dự án: Khai thác đá, đất tầng phủ; chế biến đá; vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

- Các tác động môi trường:

- + Bụi, sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang chuẩn bị bóc phủ.
- + Khí thải, bụi phát sinh từ các phương tiện khai thác, chế biến, vận chuyển.
- + Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.
- + Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt; đất đá thải phát sinh trong quá trình chế biến.
- + Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa các phương tiện khai thác, chế biến gồm dầu mỡ thải, giẻ lau bám dính dầu mỡ thải, ắc quy thải.
- + Tiếng ồn, độ rung.

#### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

##### **3.1. Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 1,32 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần: Các chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật (coliform).

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án khoảng 32,9 m<sup>3</sup>/giờ. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

##### **3.2. Khí thải:**

Bụi phát sinh chủ yếu từ quá trình bóc xếp, tập kết và vận chuyển sản phẩm; khí thải phát sinh từ phương tiện khai thác, quá trình khoan, nổ mìn, chế biến, vận chuyển. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

### 3.3. Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại:

- Sinh khối phát sinh trong quá trình bóc tầng phủ khoảng 12m<sup>3</sup> (thực hiện khai thác đến đâu phát quang đến đó, sinh khối phát sinh khoảng 2m<sup>3</sup>/năm). Thành phần: cành lá cây, bụi cỏ.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 16 kg/ngày. Thành phần: Chất hữu cơ, bao bì, túi nilon, vỏ chai, vỏ hộp...

- Khối lượng đất thải phát sinh trong quá trình khai là 130.648m<sup>3</sup> (lượng đất không đảm bảo chất lượng để làm vật liệu san lấp).

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ thải (phát sinh khoảng 222 lít/năm), giẻ lau bám dính dầu mỡ thải, ốc quy thải (phát sinh khoảng 0,5 kg/tháng).

### 3.4. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn, thiết bị khai thác, chế biến đá và vận chuyển đá thành phẩm, đất san lấp đến nơi tiêu thụ

### 3.5. Các tác động khác:

- Sự cố sạt lở bờ moong khai thác: Nếu khai thác không đúng quy trình kỹ thuật dễ dẫn đến sự cố sạt lở bờ moong; trời mưa lớn có nguy cơ cuốn theo đất đá bồi lấp các khu vực xung quanh.

- Sự cố đá văng, đá rơi, rung chấn: Trong quá trình nổ mìn phá đá làm phát sinh đá văng có thể ảnh hưởng đến cây trồng gần khu vực dự án.

- Sự cố an toàn lao động: Trong quá trình khai thác, chế biến đá có thể xảy ra sự cố tai nạn lao động nếu công nhân bất cẩn trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị không chấp hành quy định về an toàn lao động.

- Sự cố cháy nổ: Trong quá trình khoan nổ mìn, công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng vật liệu nổ không đảm bảo kỹ thuật theo quy định, sự cố về thiết bị điện đều có khả năng làm xảy ra sự cố cháy nổ.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 4 m<sup>3</sup> đã được xây dựng tại khu vực dự án.

- Khu vực khai trường (moong khai thác): đào rãnh thoát nước bằng đất xung quanh moong khai thác có chiều dài khoảng 90 m, chiều rộng 1m; rãnh thoát đầu nối vào mương thoát nước hiện hữu.

- Khu vực mặt bằng sân công nghiệp: đào rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài 12 m, chiều rộng 1m; rãnh thoát để đầu nối vào mương thoát nước hiện hữu.

- Mương thoát nước hiện hữu có chiều rộng 1m, chiều cao 0,5m, độ dốc i=10%, tổng chiều dài 211m; cuối mương bố trí hố lắng bằng bê tông kích thước 6m x 4m x 1m; nước sau khi lắng được dẫn ra suối nhỏ gần dự án (*suối nhỏ thuộc lưu vực sông Đăk Pô Kô 3,3 km về phía Đông Nam*).

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước

thoát ra từ các hồ lắng phải đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

#### **4.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

- Lắp đặt và vận hành hệ thống phun sương tại vị trí nghiền sàng và phun nước trực tiếp lên đá tại phễu tiếp nhận nguyên liệu. Sử dụng công nghệ phun sương áp suất thấp với 9 điểm phun (bằng kim loại hoặc bằng nhựa) lắp đặt trực tiếp tại các vị trí phát sinh nhiều bụi của hệ thống nghiền sàng.

- Phun nước vào mùa khô trên tuyến đường vận chuyển nội bộ từ khu vực khai trường đến khu vực chế biến; tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực dự án với tần suất 2 lần/ngày để giảm thiểu lượng bụi.

- Tiến hành phun tưới sơ bộ trên bề mặt lỗ khoan và phạm vi vùng nổ để giảm bớt bụi tung trong khu vực mỏ.

- Trong quá trình vận chuyển đá và đất san lấp phải phủ, che chắn, không để rơi vãi trên đường ảnh hưởng đến việc lưu thông của phương tiện khác. Không chở quá tải trọng cho phép khi tham gia giao thông.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm.

- Trang bị đầy đủ quần áo, giày, găng tay, khẩu trang y tế,... cho người lao động, hạn chế bụi ảnh hưởng đến sức khỏe.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

#### **4.3. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Sinh khối phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị: thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt: được phân loại, thu gom vào thùng chứa rác 120 lít bố trí tại khu vực khu nhà điều hành và nhà ở công nhân, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đất thải trong quá trình khai thác thu gom, vận chuyển về khu vực bãi thải trong có diện tích 4.800 m<sup>2</sup> (đáy moong khai thác); sử dụng lượng đất thải để san gạt mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại, tách riêng từng loại CTNH, dụng cụ lưu chứa bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường và được dán nhãn (*tên CTNH, mã CTNH*). Lưu giữ trong kho chất thải nguy hại với diện tích 9 m<sup>2</sup>; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật an toàn, lập kế hoạch nổ mìn và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo thời gian và địa điểm nổ mìn. Thực hiện theo đúng nội dung của giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bôi dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của tổ hợp đập - nghiền - sàng.

- Kiểm tra định kỳ về độ vững chắc của chân móng vững chắc cho máy nghiền để hạn chế độ rung do hoạt động máy gây ra.

- Trang bị đồ, thiết bị (nút bịt tai) bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc thường xuyên.

- Bố trí thời gian khai thác, chế biến, vận chuyển hợp lý trên khai trường.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc.

#### 4.5. Nội dung cải tạo phục hồi môi trường:

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

Phương án được lựa chọn: Sau khi kết thúc khai thác, tiến hành hoàn thổ, san gạt, trồng cây keo lá tràm trên diện tích 19.300m<sup>2</sup> (trong đó khu vực đáy moong khai thác 11.800m<sup>2</sup> và khu vực ngoài ranh giới khai thác 7.500m<sup>2</sup>). Trồng cây xung quanh vành đai vách moong trên cùng, dựng hàng rào kẽm gai, đặt biển báo nguy hiểm. Đào mương thoát nước quanh đáy moong. Làm kè chống sạt lở tại khu vực ngoài ranh giới khu vực khai thác. Mặt bằng sân công nghiệp tháo dỡ, san gạt và trồng cây keo lá tràm trên diện tích 13.808 m<sup>2</sup>, xử lý môi trường. Khu vực ngoài biên giới mỏ, cắt tầng taluy, lắp dựng hàng rào kẽm gai và dựng biển báo nguy hiểm. Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực dự án. Cụ thể:

\* Khu vực khai trường:

- Khu vực đáy mỏ khi kết thúc khai thác có coste +700 m:

+ Sử dụng 132.605m<sup>3</sup> đất (gồm: 130.648 m<sup>3</sup> đất tầng phủ và 1.957m<sup>3</sup> đất đào từ việc cắt tầng taluy khu vực ngoài biên giới mỏ) để hoàn thổ trong và ngoài ranh giới khu vực khai với diện tích 19.300 m<sup>2</sup> (đáy moong khu vực khai thác 11.800m<sup>2</sup> và khu vực ngoài ranh giới khu vực khai thác 7.500m<sup>2</sup>), đưa về coste +696m đến +coste 708,93m, độ dốc 5,6%; trồng cây keo lá tràm diện tích 19.300 m<sup>2</sup>, mật độ trồng 1.600 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm bằng 10% mật độ cây trồng.

+ Trồng cây keo lá tràm tại vành đai vách moong trên cùng diện tích 300m<sup>2</sup> và rào kẽm gai. Khối lượng kẽm gai cần lắp đặt 573,6 m<sup>2</sup>, số cọc bê tông cần lắp 191 cọc. Lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh moong khai thác, số lượng biển báo cần lắp đặt 10 biển.

+ Đào mương thoát nước xung quanh khu vực khai thác (sau san gạt), kích thước 613mx0,3mx0,5m đầu nối vào mương thoát hiện hữu, qua hố lắng trước khi dẫn ra suối nhỏ gần dự án.

+ Lắp dựng kê rọ đá tại chân khu vực ngoài ranh giới khai thác để chống sạt lở, chiều dài 40m, kích thước 0,5mx1mx2m. Số rọ đá cần lắp: 20 rọ.

- Đối với khu vực mặt bằng sân công nghiệp:

+ Tháo dỡ các công trình phụ trợ (nhà điều hành: 25 m<sup>2</sup>, nhà ở công nhân 25 m<sup>2</sup>, nhà ăn, nhà bếp 20 m<sup>2</sup>, nhà tắm, WC 12 m<sup>2</sup>, kho chứa kíp nổ: 4 m<sup>2</sup>, kho vật liệu nổ: 16 m<sup>2</sup>, nhà cơ khí 20 m<sup>2</sup>, kho chất thải nguy hại 9 m<sup>2</sup>), xử lý hầm tự hoại.

+ Tháo dỡ máy móc thiết bị nghiền sàng là 01 trạm; hệ thống camera và 01 trạm cân.

+ San gạt mặt bằng sân công nghiệp ở +coste 685m đến coste +686m, trồng cây keo lá tràm trên diện tích 13.808 m<sup>2</sup>, mật độ trồng 1.600 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm bằng 10% mật độ cây trồng.

+ Nạo vét khe suối nhỏ chảy qua khu vực dự án, khối lượng nạo vét 2,3 m<sup>3</sup>.

- Đối với khu vực ngoài biên giới mỏ:

+ Cắt tầng taluy ngoài ranh giới khu vực khai thác, phía Đông được phân làm 03 tầng, phía Tây được phân làm 02 tầng, tổng chiều dài các tầng taluy là 383m. Lắp dựng hàng rào kẽm gai xung quanh ngoài ranh giới khu vực khai thác, khối lượng kẽm gai cần lắp đặt 174m<sup>2</sup>, số cọc 68 cọc. Lắp dựng 04 biển báo nguy hiểm ngoài ranh giới khu vực khai thác.

- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ra vào khu vực mỏ. Đoạn đường có chiều dài 1,6 km từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực mỏ.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch thực hiện:

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai trường		Sau khi kết thúc khai thác
1	Hoàn thổ, san gạt mặt bằng thổ trong và ngoài ranh giới khu vực khai thác	19.300 m <sup>2</sup>	
2	Trồng keo lá tràm tại trong và ngoài ranh giới khu vực khai thác	19.300 m <sup>2</sup>	
3	Trồng cây tại vành đai vách moong trên cùng	300 m <sup>2</sup>	
4	Dựng hàng rào kẽm gai, lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh moong khai thác	573,6 m <sup>2</sup> kẽm gai; 191 cọc bê tông, 10 biển báo tam giác.	
5	Xây dựng mương thoát nước ở đáy mỏ	92 m <sup>3</sup>	
6	Làm kê tại chân khu vực ngoài ranh giới khai thác	20 rọ	
II	Khu vực mặt bằng sân công nghiệp		Sau khi kết thúc khai thác
1	Phá dỡ BT có cốt thép	7,959 m <sup>3</sup>	
2	Phá dỡ nền gạch	33,2 m <sup>2</sup>	
3	Phá dỡ kết cấu gạch đá	6,759 m <sup>3</sup>	
4	Vận chuyển phế thải	19,034 m <sup>3</sup>	



TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
5	Tháo dỡ mái tôn	480 m <sup>2</sup>	
6	Tháo dỡ trạm nghiền sàng	2 trạm	
7	Tháo dỡ máy biên áp	01 cái	
8	Hút hầm tự hoại, san lấp hầm tự hoại	01 cái	
9	Trồng cây keo lá tràm	13.808 m <sup>2</sup>	
10	Dọn dẹp, nạo vét khe suối nhỏ	2,3 m <sup>3</sup>	
III	Khu vực ngoài biên giới mở		
1	Cắt tầng taluy khu vực ngoài biên giới mở	1.975 m <sup>3</sup>	Sau khi kết thúc khai thác
2	Dựng hàng rào kẽm gai, lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh moong khai thác	246 m <sup>2</sup> kẽm gai; 68 cọc bê tông, 4 biển báo tam giác.	
IV	Duy tu, sửa chữa đường vận chuyển, chiều dài 1,6 km	48 m <sup>3</sup>	Trong quá trình hoạt động dự án

c) Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 552.811.457 đồng (*Năm trăm năm mươi hai triệu, tám trăm mười một nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng*)

- Tổng số tiền Công ty đã thực hiện ký quỹ đến thời điểm hiện tại: 269.594.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn đồng*)<sup>1</sup>.

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi đối trừ cần phải ký quỹ: 283.217.457 đồng (*Hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm mười bảy nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng*).

+ Thời gian ký quỹ (còn lại của dự án): 6 năm.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 70.804.364 đồng (*Bảy mươi triệu tám trăm lẻ bốn nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*).

+ Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo (5 lần): 42.482.619 đồng/năm (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm mười chín đồng/năm*)

Lưu ý: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, nếu thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt thì Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường để xem xét, điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ dự án nộp số tiền ký quỹ hàng năm phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, được phê duyệt.

<sup>1</sup> Thực hiện theo Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 và Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Kon Tum.

Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu: không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (phương án CTPHMT).

+ Việc ký quỹ các lần tiếp theo: Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ;

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN tỉnh Kon Tum.

#### **4.6. Biện pháp ứng phó với sự cố môi trường:**

a) Phòng chống sạt lở bờ moong khai thác, bồi lấp khu vực xung quanh:

- Trong quá trình khai thác phải đảm bảo góc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc theo đúng quy định; đảm bảo QCVN 04:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thường xuyên giám sát các vị trí sạt trượt như vách núi, bờ mỏ để phát hiện các vết nứt, đá treo để có biện pháp phòng tránh nguy cơ sạt lở. Định kỳ nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước, hố lắng.

b) Sự cố đá văng, đá rơi, rung chấn trong quá trình nổ mìn:

- Lắp đặt biển báo cho người dân địa phương và công nhân trong khu vực dự án biết khoảng cách nguy hiểm do đá văng.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại QCVN 05:2012/BLĐTBXH - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá. QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

c) Sự cố an toàn lao động:

Trang bị an toàn cho người lao động, kiểm định an toàn máy móc trên công trường tuân theo quy định hiện hành tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong xây dựng: QCVN 18:2014/BXD - Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu kỹ thuật an toàn trong xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

d) Sự cố cháy nổ:

- Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

#### **5.1. Chương trình quản lý**

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của dự án, thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, tổ chức quan trắc giám sát chất thải theo quy định.

## 5.2. Giám sát môi trường

### a) Giám sát môi trường không khí:

- Các thông số giám sát: Vi khí hậu, Tiếng ồn, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.
- Vị trí giám sát: 04 vị trí:
  - + 01 mẫu tại khu vực khai thác.
  - + 01 mẫu tại khu vực trạm nghiên.
  - + 01 mẫu tại khu vực nhà ở công nhân.
  - + 01 mẫu tại khu vực điểm đầu nối giữa đường vào khu vực dự án và đường Hồ Chí Minh.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần & giám sát đột xuất (khi có sự cố môi trường, có kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của nhân dân)

Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

### b) Giám sát nước tại hồ lắng:

- Thông số giám sát: pH, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.
- Vị trí quan trắc: 01 vị trí sau hồ lắng nước mưa.
- Tần suất: 03 tháng/lần & Giám sát đột xuất (khi có sự cố môi trường, có kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của Nhân dân).

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

### c) Giám sát môi trường nước mặt:

- Thông số giám sát: pH, TSS, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, Amoni, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Dầu tổng, Coliform.
- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại khe suối nhỏ chảy qua khu vực khai thác.
- Tần suất: 6 tháng/lần & Giám sát đột xuất (khi có sự cố môi trường, có kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của Nhân dân)

Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

### d) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Giám sát việc phân loại, khối lượng, chủng loại, tỷ lệ, thành phần chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: khu vực sân công nghiệp.
- Tần suất: thực hiện giám sát thường xuyên.

### e) Giám sát khác:

- Giám sát sạt lở bờ moong khai thác, sạt lở bãi thải, hiện tượng đá lăn.
- Giám sát hệ thống thoát nước.

- Giám sát an toàn nổ mìn.
- Vị trí giám sát: khu vực dự án.
- Tần suất: thực hiện giám sát thường xuyên.

#### **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

- Trong quá trình triển khai chuẩn bị và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học... Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ trong quá trình triển khai Dự án. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy theo quy định và tuân thủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Thực hiện giải pháp phòng chống xói mòn, trượt lở đất đá. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến đối tượng xung quanh.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về quan trắc và giám sát môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, kết quả giám sát và phục hồi môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý về Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Đắk Nông, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đắk Nông và những yêu cầu của người dân tại các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

.....